

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 01/TTr-HĐĐG ngày 22/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2018 (chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng, có giải pháp đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì theo dõi kết quả triển khai và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (đ/c Văn Anh);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC, HCTC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Chiến Thắng

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái)

I. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

TT	Đơn vị	Xếp hạng chung và xếp hạng theo lĩnh vực										Tổng điểm	Xếp hạng
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT		Nhân lực CNTT		Ứng dụng CNTT		Công tác đảm bảo ATTT		Môi trường chính sách và kinh phí			
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng		
1	Sở Thông tin và Truyền thông	24	1	14	1	22	5	15	1	23	1	98.00	1
2	Sở Y tế	24	1	10	3	23	3	15	1	23	1	95.00	2
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	24	1	10	3	24	1	14	2	23	1	95.00	2
4	Sở Công thương	20.0	4	12	2	23.6	2	15.0	1	23	1	93.60	3
5	Văn phòng UBND tỉnh	23	2	10	3	24	1	15	1	20	2	92.00	4
6	Sở Tài chính	24	1	6	5	24	1	15	1	23	1	92.00	4
7	Sở Nội vụ	20	4	8	4	22	5	15	1	23	1	88.00	5
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20	4	6	5	24.0	1.0	15	1	23	1	88.00	5
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	24	4	8	4	22	5	15	1	19	3	88.00	5
10	Sở Khoa học và Công nghệ	24	1	12	2	20	6	12	3	19	3	87.00	6

TT	Đơn vị	Xếp hạng chung và xếp hạng theo lĩnh vực										Tổng điểm	Xếp hạng
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT		Nhân lực CNTT		Ứng dụng CNTT		Công tác đảm bảo ATTT		Môi trường chính sách và kinh phí			
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng		
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24.0	1	6	5	22	5	9	4	19	3	80.00	7
12	Thanh tra tỉnh	19	6	6	5	19.8	7	15	1	20	2	79.80	8
13	Sở xây dựng	13.8	8	6	5	24	1	12	3	23	1	78.80	9
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	24	1	8	4	20	6	15	1	9	6	76.00	10
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	22	3	6	5	19	8	12	3	17	4	76.00	10
16	Sở Giao thông vận tải	20	5	6	5	19	9	15	1	14	5	73.50	11
17	Sở Tư pháp	15.2	7	6	5	22.6	4	12	3	14	5	69.80	12
18	Sở Ngoại vụ	20	4	8	4	20	6	12	3	7	7	67.00	13
19	Ban Dân tộc ¹												

¹ Ban Dân tộc không được đánh giá, xếp hạng do không gửi báo cáo đánh giá chấm điểm mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 theo quy định



II. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

TT	Đơn vị	Xếp hạng chung và xếp hạng theo lĩnh vực										Tổng điểm	Xếp hạng
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT		Nhân lực CNTT		Ứng dụng CNTT		Công tác đảm bảo ATTT		Môi trường chính sách và kinh phí			
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng		
1	UBND huyện Văn Yên	24	1	10	1	22	3	12	3	20	3	88	1
2	UBND thị xã Nghĩa Lộ	20	2	8	2	21.2	4	12	3	23	1	84.2	2
3	UBND huyện Văn Chấn	20	2	8	2	24	1	9	5	23	1	84	3
4	UBND thành phố Yên Bái	19.8	3	6	3	20	5	15	1	23	1	83.8	4
5	UBND huyện Mù Cang Chải	18	6	8	2	19	7	14	2	23	1	82	5
6	UBND huyện Trấn Yên	20	2	6	3	19.4	6	15	1	20	3	80.4	6
7	UBND huyện Lục Yên	19	4	8	2	19	7	12	3	22	2	80	7
8	UBND huyện Yên Bình	18.5	5	8	2	22.9	2	15	1	12	5	76.4	8
9	UBND huyện Trạm Tấu	18	6	6	3	18	8	11	4	14	4	67	9